

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2024/HS-ST
Ngày 11 - 07 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Kim Thúy;

Ông Nguyễn Quang Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Linh Chi - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2024/TLST-HS ngày 15/5/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXXST-HS ngày 28/6/2024 đối với bị cáo:

Lê Văn N, sinh năm 1977 tại huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố T, thị trấn T1, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Chí S, sinh năm 1942 (đã chết) và bà Vũ Thị T2, sinh năm 1953 (đã chết); có vợ là Ngụy Như Ngọc H, sinh năm 1988 và 05 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 19/9/2001, Công an huyện V xử phạt vi phạm hành chính đối với N về hành vi đánh nhau, mức phạt 200.000đ. Ngày 19/9/2001, N đã nộp phạt xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/01/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

- Bị hại: anh Lê Văn Đ, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T1, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: chị Ngụy Như Ngọc H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T1, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn N và Lê Văn Đ là hai anh em ruột, bà Vũ Thị T2, là mẹ đẻ của N và anh Đ đã chết do tự tử vào ngày 16/12/2023. Ông Lê Chí S, bị ốm hiện ở cùng nhà với anh Đ. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 09/01/2024, Lê Văn N đi bộ đến nhà anh Lê Văn Đ để thăm bố đẻ và muốn gặp anh Đ để hỏi về nguyên nhân bà T2 tự tử. Sau khi hỏi thăm ông S xong, N gặp và hỏi bà Bùi Thị H1 là người giúp việc, chăm sóc ông S, về việc anh Đ có lời nói gì nặng lời với bà T2 không, bà H1 trả lời là không biết. Lúc này, anh Đ đi từ trên tầng hai xuống, nghe thấy N hỏi như vậy thì bực tức đuổi N về nên hai người xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Sau đó được mọi người đến can ngăn nên N, Đ không cãi nhau nữa và N bỏ về nhà. Trên đường đi về nhà, do vẫn bực tức nên N đến nhà ở của bà Vũ Thị T2 (cách nhà anh Đ khoảng 700m) lấy 01 khẩu súng ngắn, dạng ổ xoay, bên trong có 06 viên đạn (súng này do N cất giấu từ trước ở trong bếp) rồi điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning BKS 88A-202.83 quay lại nhà anh Đ để giải quyết mâu thuẫn. Khi đến nhà anh Đ, N rút súng vào túi quần đi vào nhà thì

gặp anh Đ và các anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1986, ở tổ dân phố T, thị trấn T1, Lê Văn Minh Q, sinh năm 1989, ở tổ dân phố B, thị trấn T1 đang ngồi chơi trên ghế ở phòng khách nhà anh Đ. N đi đến yêu cầu anh T3 sang ngồi vị trí cùng hàng ghế với anh Đ, N ngồi xuống ghế ở vị trí đối diện với anh Đ và cách anh Đ khoảng 2m, anh Q ngồi ở ghế bên phải của N. N hỏi anh Đ nguyên nhân việc bà T2 tự tử thì anh Đ khẳng định anh Đ không có mâu thuẫn và có lời nói gì với bà T2 để bà T2 phải tự tử cả. N và Đ vẫn lời qua tiếng lại, cãi chửi nhau, lúc này N rút súng từ túi quần bên phải ra, dùng ngón tay cái bên tay phải kéo bệ khóa nòng rồi đặt mạnh lên mặt bàn uống nước, nòng súng hướng về phía anh Đ ngồi rồi thách thức và quát tháo anh Đ: *“Mày thích không, hôm nay tao với mày có thằng chết”*, anh Đ nói: *“Mày làm gì làm đi”*. N liền đứng bật dậy, tay phải cầm súng nhắm về phía kệ ti vi bắn 01 phát trúng vào kệ ti vi nghe tiếng *“Đoàng”* để đe dọa anh Đ. Nghe tiếng súng bắn, anh Đ hoảng hốt bật đứng lên ghế, các anh Q, T3 cũng bật đứng dậy. Sau đó, N tiếp tục giơ súng hướng về phía người anh Đ vừa quát tháo vừa đe dọa, anh Đ lo sợ N sẽ bắn mình nên đã dùng 2 tay tóm vào tay cầm súng của N, hất khẩu súng hướng ra phía tường bên phải phòng khách và giằng co khẩu súng với N. Thấy vậy, anh T3 cũng lao vào can ngăn nên anh Đ đã giằng được khẩu súng từ tay N. N tiếp tục chửi anh Đ thì mọi người tiếp tục can ngăn và đẩy N ra phía cửa nhà, N tiếp tục chửi Đ một lúc rồi đi về. Sau đó anh Đ có đơn trình báo về việc N sử dụng súng bắn, đe dọa Đ và giao nộp khẩu súng với Công an thị trấn T1. Công an thị trấn T1 đã lập biên bản sự việc và thu giữ vật chứng.

Quá trình điều tra, Công an thu giữ gồm: 01 khẩu súng ngắn dạng súng ổ xoay bằng kim loại màu đen, trên nòng súng có in dòng chữ *“SMITH&WESSON”*, tay cầm của súng có in dòng chữ *“ZP-5”*; bên trong ổ xoay của khẩu súng này có 05 viên đạn bằng kim loại (thân đạn bằng kim loại màu vàng, đầu đạn bằng kim loại màu xám) và 01 vỏ đạn bằng kim loại màu vàng. Viên đạn có đường kính 0,7cm, tổng chiều dài 2,5cm trong đó thân đạn dài 1,5cm, đầu đạn dài 1cm; 01 đầu mẩu kim loại dạng đầu đạn đã bị cong vênh

móp méo, kích thước 1,3cm x 0,5cm; 01 đĩa DVD lưu trữ 01 đoạn video trích xuất từ camera an ninh nhà anh Đ, thời lượng dài 02 phút 33 giây (từ 20h09p12s đến 20h11p45s cùng ngày 09/01/2024, trùng với thời gian thực tế).

Ngày 30/01/2024, Lê Văn N tự nguyện giao nộp cho Cơ quan An ninh điều tra 02 chiếc điện thoại di động (gồm 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu xám và 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu đỏ).

Về nguồn gốc súng và đạn, N khai nhận: Khoảng tháng 7/2022, N đến khu vực cửa khẩu A, tỉnh Lạng Sơn để giải quyết công việc thì nhặt được 01 khẩu súng, dạng súng ngắn, ổ quay bằng kim loại màu đen, trên nòng súng có in dòng chữ “SMITH&WESSON”, tay cầm của súng có in dòng chữ “ZP-5”, đã được lắp sẵn 06 viên đạn (N không nhớ vị trí cụ thể đã nhặt được khẩu súng này). N đem khẩu súng này về và cất giấu trong chiếc nôi để trên gác bếp nhà mẹ đẻ là bà Vũ Thị T2, sinh năm 1953, ở tổ dân phố T, thị trấn T1. N không nói cho bà T2 biết việc này. Trong thời gian cất giấu, N đã 3 lần mang khẩu súng ra xem, kiểm tra và tìm hiểu qua mạng internet thì được biết đây là khẩu súng thật, có thể gây sát thương cao, ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng người khác, bị nhà nước cấm sử dụng. Tuy nhiên, do thấy khẩu súng đẹp và muốn giữ lại để phòng thân nên N vẫn cất giữ khẩu súng, không giao nộp cho cơ quan chức năng và không nói cho ai khác biết.

Về kết quả giám định:

Ngày 11/01/2024, Cơ quan CSĐT- Công an huyện V ra Quyết định trưng cầu giám định gửi Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định súng, đạn nêu trên. Tại Kết luận giám định số 341/KL-KTHS ngày 19/01/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

“- Mẫu vật có chữ số “ZP-5”, “SMITH-WESSON” niêm phong ký hiệu A1 gửi giám định là súng tự chế kiểu ổ quay, thuộc vũ khí quân dụng. Hiện khẩu súng còn sử dụng bắn được đạn cỡ 5,6mm.

- 05 viên đạn gửi giám định là đạn cỡ 5,6x15,5mm, thuộc vũ khí thể thao, không phải vũ khí quân dụng.

- *Vỏ đạn gửi giám định là vỏ đạn của loại đạn cỡ 5,6x15,5mm, do khẩu súng gửi giám định bắn ra.*

- *Khẩu súng gửi giám định không bắn ra các đầu đạn, vỏ đạn của các vụ án trước hiện lưu trong tầng thư dấu vết súng, đạn của Viện khoa học hình sự Bộ Công an”. Hoàn lại toàn bộ đối tượng gửi giám định.*

Ngày 05/02/2024, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định trưng cầu giám định âm thanh đối với đĩa DVD thu giữ được từ camera an ninh nhà anh Đ gửi đến Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc. Tại Thông báo từ chối giám định số 51/TCGD – KTHS ngày 06/02/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc trả lời: *“Không có đủ năng lực, điều kiện cần thiết cho việc thực hiện giám định”*.

Ngày 06/02/2024, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định trưng cầu giám định âm thanh đối với đĩa DVD thu giữ được từ camera an ninh nhà anh Đ gửi đến Viện khoa học hình sự Bộ Công an. Tại Kết luận giám định số 1068/KL-KTHS, ngày 08/03/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận:

“- Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung âm thanh, hình ảnh trong tệp video gửi giám định.

- Nội dung hội thoại trong mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản (chi tiết thể hiện trong phụ lục kèm theo). Kèm theo Kết luận giám định gồm 01 bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định gồm 02 trang giấy khổ A4”.

Kết quả giám định âm thanh xác định “Giọng nam 1” là của Lê Văn N; “giọng nam 2” là của anh Lê Văn Đ; “Giọng nữ” là của chị Đỗ Thị D, sinh năm 1975, trú tại tổ dân phố L, thị trấn T1 là người đến can ngăn.

Ngày 22/02/2024, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định trưng cầu giám định kỹ thuật số đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đỏ và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xám thu giữ của Lê Văn N.

Tại Kết luận giám định số 991/KL-KTHS, ngày 12/4/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đỏ: *“Khôi phục, trích xuất được dữ liệu trong mẫu vật gửi giám định. Qua phân tích, tìm kiếm dữ liệu theo yêu cầu giám định, thu được kết quả: 292 cuộc gọi, 614 tin nhắn SMS, 191 tin nhắn Messenger, 2363 tin nhắn Zalo; 408 MB (428.318.588 bytes) dữ liệu hình ảnh; 651 MB (682.809.826 bytes) dữ liệu là video; 8.34 MB (8.749.684 bytes) dữ liệu là âm thanh và 1.27 MB (1.335.165 bytes) dữ liệu là văn bản. Toàn bộ dữ liệu thu được nêu trên được nén và sao lưu vào đĩa DVD”*.

Tại Kết luận giám định số 990/KL-KTHS, ngày 12/4/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xám: *“Khôi phục, trích xuất được dữ liệu trong mẫu vật gửi giám định. Qua phân tích, tìm kiếm dữ liệu theo yêu cầu giám định, thu được kết quả: 944 cuộc gọi, 223 tin nhắn SMS, 853 tin nhắn Messenger, 2624 tin nhắn Zalo. 1.64 GB (1.763.816.994 bytes) dữ liệu hình ảnh; 353 MB (370.575.878 bytes) dữ liệu là video; 31.9 MB (33.526.188 bytes) dữ liệu là âm thanh và 26.7 MB (28.041.816 bytes) dữ liệu là văn bản. Toàn bộ dữ liệu thu được nêu trên được nén và sao lưu vào đĩa DVD”*.

Kết quả rà soát dữ liệu trích xuất được từ 02 chiếc điện thoại di động nêu trên thấy rằng các âm thanh, hình ảnh, văn bản trích xuất được đều không liên quan đến hành vi phạm tội của N.

Kết quả xác định hiện trường:

- Kết quả xác định hiện trường tại nhà anh Lê Văn Đ: Nhà anh Lê Văn Đ là nhà 3 tầng ở tổ dân phố T, thị trấn T1, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Phía Bắc tiếp giáp nhà C, phía Nam tiếp giáp nhà Đ1, phía Đông tiếp giáp đường tổ dân phố T, phía Tây tiếp giáp khu đất ruộng. Nhà có cửa ra vào hướng Đông, có hai lượt cửa là cửa cuốn và cửa kính cường lực. Tại khu vực tầng 1 có phòng khách, phòng bếp và khu vệ sinh. Hiện trường xác định là tại phòng khách của ngôi nhà. Tại phòng khách có 01 cầu thang bộ tại góc hướng Tây Bắc. Phòng khách

được ngăn cách với phòng bếp bởi tấm tường bằng gỗ có các ô kệ để đồ. Tại góc hướng Tây có kê 01 bộ bàn ghế và 01 kệ để ti vi. Tại vị trí bàn uống nước xác định vị trí N đứng sử dụng súng bắn, được ký hiệu (1) như trên sơ đồ, (1) cách hướng Nam 2,1m và cách hướng Tây 2,5m. Tại vị trí dưới cầu thang là 01 kệ để ti vi. Kệ này có kết cấu bề mặt bằng kính và 04 bốn chân trụ bằng kim loại, kệ có kích thước dài 2m, rộng 0,4m, cao 0,73m. Kệ cách hướng Tây 0,74m, cách hướng Bắc 0,3m. Tại vị trí bậc thứ 2 chống mặt kệ có hai trụ bằng kim loại. Tại mặt ngoài hướng Nam của trụ phát hiện có 01 vết lõm kim loại, hướng từ ngoài vào trong, từ Nam sang Bắc. Vết lõm có kích thước (2x3)cm, sâu 0,5cm, tâm vết này cách đầu hướng Tây 55cm, cách nền nhà 24cm. Từ (1) đến vị trí này là 2,1m. Vết được ký hiệu (2) trên sơ đồ.

- Kết quả xác định hiện trường cất giấu súng, đạn là tại bếp của nhà ở bà Vũ Thị T2: Xác định vị trí Lê Văn N cất giấu súng, đạn là bên trong 01 chiếc nồi bằng nhôm, có đường kính 46cm, chiều cao 30cm (nồi có vung). Chiếc nồi này để tại góc bếp của nhà bà Vũ Thị T2 – mẹ đẻ của N. N đã chỉ dẫn, miêu tả vị trí cất giấu súng, đạn; cơ quan điều tra đã tiến hành xác định vị trí, lập bản ảnh và vẽ sơ đồ vị trí cất giấu súng, đạn. Kết quả xác định hiện trường phù hợp với lời khai của N và các hồ sơ, tài liệu đã thu thập được.

Kết quả xác minh nguồn gốc vũ khí quân dụng:

Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã phối hợp với các đơn vị gồm: Cục Quân khí thuộc Tổng cục kỹ thuật Bộ Quốc phòng, Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an, Cục Trang bị và kho vận thuộc Bộ Công an và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Vĩnh Phúc để rà soát, xác minh nguồn gốc vũ khí quân dụng là khẩu súng ngắn ổ quay nêu trên. Kết quả điều tra xác định không có đơn vị nào quản lý, sử dụng, cấp phép, bị thất lạc hoặc thụ lý vụ án, vụ việc nào liên quan đến khẩu súng đã thu giữ của N như đã nêu trên.

Cơ quan điều tra đã chuyển 01 khẩu súng, 05 viên đạn, 01 vỏ đạn và 01 đầu mẩu kim loại dạng đầu đạn còn lại sau giám định đến Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Vĩnh Phúc để bảo quản, xử lý theo quy định của pháp luật.

Kết quả điều tra còn xác định:

Đối với chiếc xe ô tô BKS: 88A – 202.83, kết quả điều tra xác định: chiếc xe này đứng tên N nhưng là tài sản sở hữu chung của N và chị Ngụy Như Ngọc H – vợ N. Ngày 09/01/2024, N sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi lại sang nhà anh Lê Văn Đ. N cất giấu súng trong túi quần bên phải, sau đó nổ súng đe dọa anh Đ tại phòng khách nhà anh Đ, chiếc xe ô tô này không liên quan đến hành vi phạm tội của N; chị H không biết việc N tàng trữ, cất giấu súng, đạn. Do vậy, việc cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ chiếc xe ô tô này là đúng quy định của pháp luật.

Đối với 02 chiếc điện thoại thu giữ của N, kết quả điều tra xác định các điện thoại này là của N, sử dụng để liên lạc cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội. Do vậy, việc Cơ quan điều tra đã trả lại cho N 02 chiếc điện thoại này, chị H là vợ N đã nhận thay là đúng quy định pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số: 57/CT- VKS- P2 ngày 14/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố Lê Văn N về các tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”, “Đe dọa giết người” quy định tại khoản 1 Điều 304 và khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Lê Văn N phạm tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” và tội “Đe dọa giết người”.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 304 và khoản 1 Điều 133, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Lê Văn N từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”; từ 09 tháng đến 12 tháng tù về

tội “Đe dọa giết người”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 30/01/2024.

- Hình phạt bổ sung: Không.

Ngoài ra viện kiểm sát còn đề nghị về xử lý vật chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, phù hợp với vật chứng và các kết luận giám định, kết quả khám nghiệm hiện trường cùng với các tài liệu khác đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, như vậy có đủ cơ sở để kết luận:

Xuất phát từ việc mâu thuẫn giữa hai anh em ruột nên khoảng 20 giờ 30 phút ngày 09/01/2024, Lê Văn N mang theo 01 khẩu súng bên trong có lắp 06 viên đạn (súng này N nhặt được và cất giấu từ trước) đến nhà anh Lê Văn Đ (là em ruột N) ở tổ dân phố T, thị trấn T1, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc để giải quyết mâu thuẫn. Tại phòng khách nhà anh Đ, giữa N và anh Đ đã xảy ra cãi chửi nhau, N đã rút súng bắn 01 phát về phía kệ tivi để đe dọa anh Đ. Nghe tiếng súng bắn, anh Đ hoảng hốt bật đứng lên ghế. Sau đó, N tiếp tục giơ súng hướng về phía người anh Đ vừa quát tháo vừa đe dọa, anh Đ lo sợ N sẽ bắn mình nên cùng mọi người lao vào giằng được khẩu súng từ tay N. Sau đó, anh Đ đã trình

báo và giao nộp khẩu súng này cho Cơ quan Công an. Kết luận giám định xác định khẩu súng này là vũ khí quân dụng, 05 viên đạn là đạn thể thao; 01 vỏ đạn là do khẩu súng này bắn ra.

Hành vi cất, giấu súng, sau đó sử dụng súng bắn đạn để đe dọa tính mạng người khác của Lê Văn N đã phạm vào các tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” và tội “Đe dọa giết người” quy định tại khoản 1 Điều 304 và khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự. Nội dung điều luật quy định:

Điều 304. Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự

“1. Người nào ... tàng trữ, sử dụng ... trái phép vũ khí quân dụng... thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm”.

Điều 133: Tội đe dọa giết người

“1. Người nào đe dọa giết người, nếu có căn cứ làm cho người bị đe dọa lo sợ rằng việc đe dọa này sẽ được thực hiện, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” và tội “Đe dọa giết người” của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm chế độ quản lý vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự của Nhà nước và xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình. Xuất phát từ việc mâu thuẫn gia đình mà bị cáo N dùng súng đe dọa anh trai. Hành vi của bị cáo thực hiện một cách táo bạo liều lĩnh. Vì vậy phải xử phạt nghiêm để phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội và giáo dục riêng.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

Bị cáo là người có hiểu biết và nhận thức được việc tàng trữ, sử dụng vũ khí quân dụng là trái phép nhưng bị cáo vẫn tàng trữ khẩu súng để phòng thân. Ngày 09/01/2024, xuất phát từ việc mâu thuẫn gia đình mà bị cáo N dùng súng

đe dọa anh trai, hành vi của bị cáo thực hiện một cách táo bạo liều lĩnh. Năm 2001, bị cáo N có hành vi đánh nhau bị Công an huyện V xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt 200.000đ. Ngày 19/9/2001, N đã nộp phạt xong. Những hành vi nêu trên thể hiện bị cáo không kìm chế được bản thân, không giữ được bình tĩnh xử lý mâu thuẫn và sẵn sàng thực hiện hành vi phạm pháp luật. Do đó cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo: Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Sau khi cân nhắc nhân thân, tính chất, mức độ, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo Lê Văn N chấp hành hình phạt tù một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người lao động tự do có thu nhập không ổn định, không có tài sản nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Cần tịch thu và tiêu hủy: 01 khẩu súng, 05 viên đạn, 01 vỏ đạn và 01 đầu mẩu kim loại dạng đầu đạn còn lại sau giám định. Toàn bộ vật chứng đã được Cơ quan điều tra đến Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Vĩnh Phúc để bảo quản, xử lý theo quy định của pháp luật vào ngày 26/01/2024. Khi bản án có hiệu lực pháp luật giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Vĩnh Phúc xử lý, tổ chức tiêu hủy vũ khí quân dụng nêu trên theo qui định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Văn Đ không yêu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” và tội “Đe dọa giết người”.

Áp dụng khoản 1 Điều 304 và khoản 1 Điều 133; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” và 09 (chín) tháng tù về tội “Đe dọa giết người”. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 30/01/2024.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Lê Văn N.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự và các Điều 64, Điều 66, Điều 69 và Điều 70 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 khẩu súng, 05 viên đạn, 01 vỏ đạn và 01 đầu mẩu kim loại dạng đầu đạn.

Vật chứng có đặc điểm như biên bản bàn giao ngày 26/01/2024 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện V và Kho vũ khí quân đạn/PKT- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Vĩnh Phúc. Khi Bản án có hiệu lực, giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Vĩnh Phúc xử lý, tổ chức tịch thu, tiêu hủy và thi hành Bản án về phần xử lý vật chứng thuộc vũ khí quân dụng nêu trên theo quy định của pháp luật.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn N phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Thi hành án hình sự;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Toà Hình sự, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Bằng

Nguyễn Văn An

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh